

Tác động của đạo Tin Lành đối với người Mông di cư ở Đắk Lắk

Phạm Văn Dương¹, Vũ Thị Hà¹

¹ Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: Phamvanduongvme@gmail.com

Nhận ngày 7 tháng 10 năm 2016. Chấp nhận đăng ngày 21 tháng 11 năm 2016.

Tóm tắt: Người Mông theo đạo Tin Lành chiếm đa số trong cộng đồng người Mông di cư từ các tỉnh phía Bắc vào Đắk Lắk. Đạo Tin Lành nói chung và đạo Tin Lành ở người Mông nói riêng từ trước đến nay là mối quan tâm của các cơ quan quản lý nhà nước và giới nghiên cứu. Không ít đồng bào Mông theo đạo Tin Lành bị các thế lực thù địch lợi dụng lôi kéo. Tuy nhiên, nhiều người Mông theo đạo Tin Lành cho rằng tôn giáo này tích cực hơn so với tôn giáo truyền thống của người Mông với nhiều nghi lễ, hủ tục, tốn kém, không còn phù hợp với cuộc sống hiện đại. Mặc dù vậy, việc từ bỏ tôn giáo tín ngưỡng truyền thống để theo một tôn giáo mới, bên cạnh những tác động tích cực còn có cả tác động tiêu cực.

Từ khóa: Người Mông, di cư, đạo Tin Lành, Đắk Lắk.

Abstract: Protestants account for the majority of the Mong (or H'mong) people migrating from Northern Vietnamese provinces to Dak Lak province in the Central Highlands. Attention has been paid by the State management agencies and researchers to the studies on the religion of Protestantism in general and its practice among the Mong people in particular. Not a few Mong people have followed the religion as a result from the engagement of hostile forces. However, many Mong people follow the Protestantism because they consider the religion to be more positive than the ethnic group's traditional one, which includes many costly rituals and backward customs that are not appropriate to the modern life. Yet, the abandonment of the traditional religion and beliefs to follow a new one, besides positive impacts, entails also negative ones.

Keywords: Mong people, migration, Protestantism, Dak Lak.

1. Mở đầu

Do nhiều nguyên nhân khác nhau, nên từ sau năm 1975, đã có một số người Mông di

cur tự do từ các tỉnh phía Bắc vào Tây Nguyên sinh sống. Đến những năm 1990, số lượng người Mông di cư đông và ồ ạt hơn, trong đó tập trung chủ yếu vào tỉnh

Đắk Lắk. Từ những năm 2000 trở lại đây, người Mông di cư vẫn diễn ra âm thầm tuy số lượng người có giảm hơn.

Đến đầu năm 2015, tổng số người Mông di cư đến Đắk Lắk là 22.760 người [1]. Trong đó, từ năm 2005 đến tháng 3/2015 có 1.242 hộ (6.433 khẩu), năm 2008 (năm có số người di cư nhiều nhất) có 468 hộ (2.869 khẩu); năm 2013 (năm có số người di cư ít nhất) có 8 hộ (39 khẩu).

Trong sinh hoạt tâm linh, cộng đồng này chia làm hai khối: một khối vẫn giữ tôn giáo tín ngưỡng và niềm tin truyền thống của người Mông (từ ngoài Bắc); một khối đã chuyển sang sinh hoạt tâm linh theo đạo Tin Lành.

Trong tổng số 2.270 hộ người Mông di cư đến các điểm nghiên cứu, có 95 hộ vẫn giữ tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống, 2.175 hộ người Mông đã chuyển sang Tin Lành (2.174 hộ) và Công giáo (1 hộ). Xét về số lượng, số hộ di dân người Mông tiếp nhận đạo Tin Lành cao gấp hơn 22 lần so với người Mông giữ tôn giáo truyền thống, mặc dù xét trên phạm vi toàn quốc, số người Mông cải đạo chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ so với tổng dân số của người Mông. Hiện nay chỉ có khoảng từ 120 nghìn đến 150 nghìn người Mông theo Tin Lành trên tổng số 787.604 người Mông ở Việt Nam, tức là chỉ bằng 1/5-1/6 tổng số người Mông ở Việt Nam.

Như vậy, trong khi bộ phận người Mông theo Tin Lành ở miền Bắc chỉ là thiểu số trong khối cộng đồng người Mông nói chung thì người Mông theo Tin Lành di cư vào Đắk Lắk lại là đa số. Tỉ lệ này cũng cho thấy người Mông theo tôn giáo truyền thống có xu hướng di cư ít hơn người Mông theo đạo Tin Lành hoặc chuyển đạo sau khi di cư.

Đối với nhóm người Mông theo đạo Tin Lành, với sự chi phối của các giáo lý, giáo luật, các yếu tố văn hóa tâm linh truyền thống của người Mông đã có những thay đổi căn bản theo cả chiều hướng tích cực và tiêu cực. Bài viết này phân tích những tác động của đạo Tin Lành đối với người Mông di cư ở Đắk Lắk.

2. Tác động tích cực

Thứ nhất, khắc phục được những hạn chế, bất cập của tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống.

Văn hóa truyền thống của người Mông thể hiện giá trị văn hóa tộc người, đặc biệt là phản ánh lịch sử văn hóa cũng như lịch sử hào hùng nhưng không kém phần bi tráng của người Mông. Những đặc trưng văn hóa truyền thống (như sự cố kết dòng họ, thờ cúng tổ tiên, tôn thờ/coi trọng các vị thần/ma đến từ tự nhiên...) đều tích hợp trong đó những lớp văn hóa khác nhau gắn với lịch sử tộc người, đồng thời thể hiện sự thích ứng của người Mông với điều kiện sống. Những khía cạnh văn hóa truyền thống đó đã phát huy tác dụng trong những giai đoạn cụ thể; giúp nâng đỡ người Mông về mặt tinh thần để họ có thể tồn tại và thích ứng với những điều kiện sống khó khăn nhất. Tuy nhiên, với sự tiến bộ của khoa học, kỹ thuật, sự phát triển của xã hội hiện đại, nhiều khía cạnh văn hóa truyền thống hay những nghi lễ với những quy định khắt khe đã trở nên phức tạp, rườm rà, tốn kém. Mặc dù có nhiều giá trị văn hóa tộc người ẩn sau những phong tục tập quán và nghi lễ đó, nhưng nhiều yếu tố trong văn hóa truyền thống trở thành gánh nặng về vật chất trong khi điều kiện kinh tế của người Mông chưa được cải thiện đáng kể. Ma

Vang Páo (trưởng điểm nhóm thôn 7, xã Krông Á, huyện M'Đrăk) phân tích: “Khi mà mình chưa tin Chúa, mình thờ cúng mất nhiều thứ. Mà không phải mỗi lần cúng mình chỉ mất con heo 5-6 chục cân thôi đâu mà lần sau nó lại đòi con to hơn là con trâu nữa cơ. Còn theo Chúa nó không đòi hỏi cái gì cả. Nó chỉ đòi hỏi tín đồ của mình sống cho tốt thôi. Kinh thánh nó không cho mình ăn tiết cũng không sao cả. Một gia đình trước khi theo Chúa rất là nghèo, con cái ốm đau, có bao nhiêu thì để cúng bái hết. Còn theo Chúa thì có bao nhiêu mình được sai” [2].

Đây chỉ là một trong rất nhiều câu chuyện có cùng luận điểm mà những thông tin viên người Mông theo đạo Tin Lành chia sẻ. Trong con mắt của nhiều người Mông, đặc biệt những người trẻ, những nghi lễ khắt khe trở thành gánh nặng, tốn kém thời gian và tiền bạc. Với những gia đình trẻ hoặc những gia đình thiếu vắng đàn ông, việc thực hiện đúng những quy định về nghi lễ khiến họ phải phụ thuộc vào người khác (người am hiểu, có uy tín trong dòng họ, thầy cúng...).

Theo lối suy nghĩ truyền thống, cuộc sống hằng ngày của bản thân và gia đình có bình an hay không tùy thuộc vào việc có thực hiện đúng những nghi lễ hay không. Đây là một trong những cản trở đối với những người có tư tưởng độc lập, muốn thay đổi và thoát khỏi những ràng buộc của những tập tục truyền thống. Khi chuyển sang tôn giáo mới, chính Chúa Giêsu là điểm tựa giải thoát họ khỏi những nỗi sợ hãi do quan niệm về nguyên nhân của bệnh tật mà tín ngưỡng truyền thống gây ra. Tin vào Chúa là tin vào một thần linh duy nhất, tối cao thay cho niềm tin vào nhiều vị thần khác. Theo đạo Tin Lành, đặc biệt trong

điều kiện sống mới tại Đăk Lăk, di dân người Mông dễ dàng và có động lực hơn trong việc tiếp cận với các dịch vụ y tế thay bằng việc cúng chữa bệnh; trong đám ma, họ đã quản người chết vào quan tài, rút ngắn ngày tổ chức đám tang, không thịt nhiều lợn, gà, trâu bò...

Thứ hai, điều chỉnh hành vi của người Mông, giúp họ hình thành một lối sống mới tốt đẹp hơn.

Với nhiều người Mông, điều quan trọng nhất khiến họ quyết định theo đạo Tin Lành là do họ nhìn nhận ra những điểm tích cực của tôn giáo đó. Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi đã tiếp xúc với nhiều các trưởng điểm nhóm, một số mục sư và các tín đồ, khi tìm hiểu về đạo Tin Lành, họ còn rất trẻ. Chính vì nhận thấy những điều tốt đẹp trong giáo lý của đạo Tin Lành mà họ đã tin theo, và sau này còn học tập và nghiên cứu sâu hơn về đạo để trở thành những hạt nhân tích cực trong cộng đồng (như trưởng điểm nhóm, mục sư...) và để hướng dẫn người khác theo tôn giáo này. Ví dụ, với trưởng điểm nhóm Ma Vang Páo (thôn 7, xã Krông Á, huyện M'Đrăk), quá trình tiếp nhận đạo được anh kể lại như sau: “Khi mình ở xã Bản Liền (huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai), không ai nói về Chúa cả. Khi gia đình chuyển xuống huyện Văn Bàn cũng vì cuộc sống khó khăn. Hồi đó mình học lớp 8 ở trường nội trú, khi mình đi học về thì gia đình đã theo đạo rồi. Năm mình quyết định theo Chúa cũng vì đọc Kinh thánh nói mình nên sống tốt với bố mẹ khi còn sống, đừng làm cho cha mẹ buồn. Khi cha mẹ vẫn sống, con cái đối xử không tốt, không biết yêu thương cha mẹ, cha mẹ chết rồi mới tỏ lòng biết ơn bằng lễ cúng thì cái đấy chỉ là để cho người ngoài nhìn vào thôi, đúng ra là không thương cha mẹ” [4].

Một cộng đồng người Mông không uống rượu, không đánh nhau là điều mà bản thân người Mông theo đạo Tin Lành và cả người Mông giữ tôn giáo truyền thống dễ dàng nhận thấy. Trước đây, uống rượu say dẫn đến gây gổ đánh nhau là một cặp hành vi thường thấy và không tách rời với hình ảnh người đàn ông Mông. Theo đạo Tin Lành, rượu được thay bằng nước ngọt trong hầu hết các hoạt động ăn uống tập trung đông người như đám cưới, đám ma, hội họp; trong đó lễ bắt buộc mà nhà trai phải mang sang nhà gái... Thói quen uống rượu ở một số tín đồ Tin Lành người Mông mặc dù vẫn chưa được loại bỏ hoàn toàn, nhưng đã được hạn chế hơn. Bên cạnh việc không uống rượu, người Mông không còn hút thuốc lá, thuốc phiện; không ăn cắp, ăn trộm...

Tục cướp vợ tồn tại đã lâu trong cộng đồng của người Mông, tuy có mặt thể hiện giá trị của người phụ nữ, nhưng cũng gây ra nhiều cuộc tình ngang trái, nhiều trường hợp đáng tiếc xảy ra. Theo đạo Tin Lành, người Mông không còn cướp vợ. Trai gái tìm hiểu nhau, ưng thuận, hai bên sẽ nói chuyện với bố mẹ để thu xếp lễ ăn hỏi và đám cưới.

Tình trạng tảo hôn trong xã hội người Mông là phổ biến. Để hạn chế tình trạng này, đạo Tin Lành khuyến khích kết hôn theo đúng độ tuổi nhà nước quy định bằng cách, chỉ cho phép mục sư làm lễ hôn phối cho những cặp trai gái đủ tuổi kết hôn và có giấy đăng ký kết hôn. Thêm vào đó, một trong 10 điều răn của đạo Tin Lành là không được ngoại tình và ly hôn. Do vậy, tình trạng ngoại tình, ly hôn cũng có xu hướng giảm bớt.

Thứ ba, điều kiện kinh tế của các gia đình Mông di cư được cải thiện.

Xét về mặt bằng chung, đời sống kinh tế của những nhóm di dân người Mông theo đạo Tin Lành ở Đắk Lắk vẫn còn ở mức thấp so với các dân tộc tại chỗ. Tuy nhiên, kinh tế của mỗi gia đình đã được cải thiện hơn so với trước khi di cư. Do vậy, các cộng tác viên người Mông theo đạo Tin Lành đều khẳng định mức sống của họ đã ổn định hơn so với khi ở quê nhà, một phần do điều kiện sản xuất tại Đắk Lắk thuận lợi hơn, một phần do họ tập trung hơn vào sản xuất mà không bị chi phối nhiều thời gian và của cải vào các lễ cúng theo tập tục truyền thống. Những sản phẩm của hoạt động nông nghiệp, chăn nuôi nhằm phục vụ nhu cầu lương thực, thực phẩm và phần còn lại trở thành hàng hóa đem lại nguồn thu về kinh tế. Chính vì vậy, di dân người Mông đều khẳng định họ không có ý định quay lại quê cũ.

Bên cạnh những điểm tích cực về giáo lý, theo đạo Tin Lành còn có cơ hội được giúp đỡ về mặt vật chất khi khó khăn. Trong các hoạt động xã hội của đạo Tin Lành, từ thiện và tương trợ là hoạt động nổi bật bởi xuất phát từ những lời dạy của Thiên Chúa trong Kinh thánh. Trong cộng đồng người Mông di cư theo đạo Tin Lành, đối tượng được hỗ trợ là những gia đình có những hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (như: những hộ có người ốm đau dài ngày, không có khả năng lao động; những hộ nghèo, thiếu lương thực...).

Trước tiên, sự tương trợ đến từ nội bộ các điểm nhóm (bao gồm hỗ trợ nhau về ngày công lao động, giúp đỡ lương thực thực phẩm hay trích từ quỹ của điểm nhóm). Với những gia đình không có hoặc ít có khả năng lao động, Ban Chấp sự của điểm nhóm sẽ vận động tương trợ về ngày công lao động từ các tín đồ khác dựa trên

tinh thần tự nguyện. Đối với những gia đình khó khăn về kinh tế, Ban Chấp sự sẽ xem xét trích quỹ (tiền hoặc nông sản) của điểm nhóm để hỗ trợ.

Ngoài ra, với những khu vực còn khó khăn, tín đồ người Mông theo đạo Tin Lành còn được sự quan tâm của Tổng hội Tin Lành địa phương, bằng việc hỗ trợ tiền và hiện vật (thường nhu yếu phẩm thiết yếu như muối, gạo, mì tôm) thông qua các hoạt động thiện nguyện xã hội vào những ngày lễ lớn của đạo hoặc dịp Tết Nguyên đán.

Như vậy, hoạt động tương trợ của các điểm nhóm hay của Tổng hội, bằng cách này hay cách khác cũng là một cứu cánh đối với người Mông trong bối cảnh di cư đến vùng đất mới.

Thứ tư, thúc đẩy sự bình đẳng trong cộng đồng người Mông.

Dòng họ đóng vai trò quan trọng trong xã hội truyền thống của người Mông. Theo tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống thanh niên người Mông, nhất là những thanh niên chưa vợ hoặc trước khi có con đầu lòng, chưa được coi là người trưởng thành. Họ phải tuân phục ý chí, phải học tập cách sống cũng như những phong tục tập quán, nghi lễ từ người lớn tuổi. Theo đạo Tin Lành, người Mông, nhất là thanh niên tiếp thu đạo trực tiếp từ Kinh thánh; được sự hướng dẫn từ mục sư, trưởng điểm nhóm và các thành viên Ban Chấp sự. Tất cả tín đồ Tin Lành đều là anh em, ngay cả ngôi thứ cũng lấy tuổi tác làm căn cứ. Họ không còn bị ràng buộc bởi những nghi lễ phức tạp được trao truyền từ thế hệ đi trước. Những người trẻ tuổi cho rằng mình được giải phóng, được trao quyền tự do, dân chủ và độc lập hơn trong mọi mặt của đời sống.

Bên cạnh người trẻ, vai trò và vị thế của phụ nữ đã thay đổi theo hướng bình đẳng

hơn. Tục cướp vợ bị loại bỏ. Trai gái đến với nhau trên cơ sở tìm hiểu và tự nguyện tiến tới hôn nhân thể hiện sự bình đẳng trong quyết định kết hôn. Như vậy, người phụ nữ có quyền chủ động hơn trong số phận của mình.

Để đủ điều kiện kết hôn, theo quy định của đạo Tin Lành, đôi trai gái phải có đăng ký kết hôn và cũng cần có một thời gian học giáo lý. Có giấy đăng ký kết hôn giúp cho người phụ nữ được pháp luật bảo vệ khi có vấn đề xảy ra trong hôn nhân, cũng là để khẳng định vị thế của người phụ nữ Mông trong xã hội.

Thứ năm, mối quan hệ xã hội của người Mông được mở rộng hơn.

Mối quan hệ và cố kết trong xã hội truyền thống của người Mông là mối quan hệ theo chiều dọc, tức là theo quan hệ huyết thống, từ trên xuống dưới. Khi cải đạo sang Tin Lành, mối quan hệ theo dòng họ giảm bớt và thúc đẩy mối quan hệ xã hội theo chiều ngang, tức là giữa các tín hữu đồng đạo.

Trong xã hội truyền thống, chỉ có những người cùng “ma” mới giúp nhau hết mình và có thể chết trong nhà của nhau; khi đã là tín hữu đạo Tin Lành, tất cả người Mông thuộc họ nào cũng là anh em, đều giúp đỡ nhau hết mình về cả vật chất lẫn tinh thần. Hơn thế nữa, người Mông theo đạo Tin Lành có thể quan hệ với những người đồng tộc ở các nước khác.

Mặc dù sự cố kết theo dòng họ có giảm bớt nhưng đối với cả hai nhóm di dân người Mông theo đạo Tin Lành và nhóm di dân người Mông truyền thống tại Đăk Lăk thì anh em mình không bỏ được, họ hàng mình không bỏ được. Ví dụ ở xã Vụ Bản, huyện Krông Păk, có 3 nhóm người Mông (hai nhóm ở thôn 12, một nhóm ở thôn Sơn

Điền, trong đó một nhóm theo đạo Tin Lành, hai nhóm giữ tín ngưỡng truyền thống). Ba nhóm này tuy sống thành 3 khu tách biệt nhau nhưng khi trong nhóm có các nghi lễ lớn, họ đều mời anh em đồng tộc khác tôn giáo. Hoặc khi gặp người trong họ, họ cũng nhận họ hàng; trong gia đình có công việc lớn như đám ma, cưới xin họ vẫn mời nhau hoặc giúp tiền, giúp gạo. Ngay cả những di dân người Mông theo đạo Tin Lành ở Đắk Lắk vẫn có và thường xuyên liên hệ với họ hàng ở quê cũ để không mất tình thân.

Thứ sáu, nhiều người Mông biết chữ hơn.

Đạo Tin Lành thâm nhập vào cộng đồng người Mông với nhiều kênh khác nhau (như đài phát thanh, internet, băng cassette, video, đĩa CD, VCD, tranh, ảnh, sách báo...). Đặc biệt, Kinh thánh đã được dịch ra tiếng Mông La tinh (là loại chữ viết được biết đến rộng rãi trong cộng đồng người Mông, nhất là lớp trẻ, vì dễ học, dễ thuộc kể cả đối với những người chưa biết chữ). Mục sư Hàng Seo Dìn (thôn 7, xã Krông Ấ, huyện M'Đăk) kể lại: “Trước đây mình không đi học nhưng mình biết chữ Mông La tinh. Khi biết chữ Mông La tinh, mình đối chiếu với bài thánh ca tiếng Việt hoặc lại lấy Kinh thánh tiếng Việt đối chiếu với chữ Mông La tinh. Bây giờ thì mình biết cả tiếng Việt và tiếng Mông La tinh vì trong quá trình học đạo, mình thường đối chiếu qua lại với nhau” [5].

Qua câu chuyện của mục sư Hàng Seo Dìn, từ một người không biết chữ quốc ngữ, trong quá trình tìm hiểu về đạo và học thần học, mục sư đã biết chữ Mông La tinh và đối chiếu để học tiếng Việt thông qua Kinh thánh và thánh ca. Động lực học chữ Mông La tinh của mục sư Dìn cũng là động lực của nhiều thanh niên khác. Chính vì vậy,

chữ Mông La tinh trở thành chữ viết khá phổ biến trong cộng đồng người Mông theo đạo Tin Lành, đặc biệt là trong giới trẻ.

Ngoài ra, đạo Tin Lành luôn yêu cầu tín đồ của mình sống và làm việc theo những quy định của pháp luật và coi trọng việc tuân thủ pháp luật. Vì thế nên ở các địa điểm nghiên cứu, theo báo cáo của chính quyền địa phương, hầu hết tín đồ người Mông theo đạo Tin Lành đều có ý thức chấp hành tốt chính sách của Đảng và Nhà nước.

3. Tác động tiêu cực

Thứ nhất, làm mai một và mất dần bản sắc văn hóa của người Mông.

Trước tiên, với đặc điểm là một tôn giáo độc thần, người Mông theo đạo Tin Lành đã thay đổi toàn bộ thế giới quan, những quan niệm về linh hồn, về con người; họ không tin vào vị thần linh nào khác, mọi tư duy, nhận thức và ứng xử đều xoay quanh Đức Chúa Trời. Theo đó, người Mông bỏ hết các hoạt động văn nghệ dân gian, bỏ các nghi lễ cúng bái trong cưới xin, ma chay. Có thể nói, sự ra đời và phát triển của hiện tượng tôn giáo mới này đã và đang làm mai một bản sắc văn hóa của người Mông.

Đạo Tin Lành làm thay đổi những giá trị cốt lõi trong văn hóa truyền thống của dân tộc Mông, đó là văn hóa của các dòng họ. Khi chuyển sang đạo Tin Lành, người Mông chuyển từ mối quan hệ họ hàng truyền thống (trong đó cách tính và cách gọi thứ bậc trong dòng họ; các quy định của từng dòng họ...) sang mối quan hệ giữa các tín hữu. Điều này làm cho cộng đồng người Mông chuyển từ cố kết theo dòng họ sang cố kết theo điểm nhóm.

Theo Tin Lành, người Mông từ bỏ niềm tin vào tổ tiên. Nếu tất cả người Mông đều theo Tin Lành, không còn các lễ cúng ông bà tổ tiên hay không còn các nghi lễ chỉ đường cho linh hồn người chết về với cội nguồn, văn hóa người Mông sẽ không còn lại gì về cả văn hóa tinh thần lẫn văn hóa vật chất. Những bài hát chỉ đường sẽ không còn, người sống chỉ sống với cuộc sống thực tại mà không còn biết đến nguồn cội của tộc người. Điều này làm mất đi bản sắc, giá trị văn hóa tộc người đã bao đời được hun đúc bằng lịch sử của chính cộng đồng đó.

Thứ hai, gây ra những xung đột, chia rẽ trong nội bộ người Mông.

Trước hết đó là sự va chạm, xung đột với các tập tục gia đình, xã hội, tín ngưỡng truyền thống. Đối với người Mông, thờ cúng ông bà, tổ tiên là sự thiêng liêng, thậm chí đã thành tiêu chí về đạo đức của mỗi thành viên trong gia đình, họ tộc, làng xóm. Những tập tục xuất phát từ trong nghi lễ thể hiện lòng hiếu thảo, lòng biết ơn công sinh thành và dưỡng dục của con cái đối với ông bà, cha mẹ (như giỗ chạp, ma chay, cưới xin là nét đẹp văn hoá mang ý nghĩa nhân văn sâu sắc). Theo đạo Tin Lành là thay đổi lối sống, tâm lý, tình cảm, văn hoá, tín ngưỡng của dân tộc. Điều đó gây chia rẽ trong nội bộ dân tộc (giữa những người theo đạo và không theo đạo, trong từng gia đình, dòng họ, bản làng...). Nhiều trật tự xã hội bị đảo lộn. Thậm chí anh em không nhìn mặt nhau do bố chết con không đến chịu tang, không đến làm “ma”. Đặc biệt, các trưởng tộc, trưởng họ, trưởng bản, già làng (những người vốn được kính trọng, vị nể xưa kia) đã phải nhường vai trò chi phối của mình cho một thành phần mới, đó là những người tích cực truyền đạo mà tuổi đời hầu hết là thanh niên, trung niên.

Bên cạnh đó, do hoàn cảnh lịch sử nên người Mông thường di cư để sinh tồn và mưu sinh. Tuy nhiên, trước đây, người Mông thường di cư theo gia đình, dòng họ hoặc huyết thống. Một vài gia đình có quan hệ huyết thống cùng di cư hoặc một gia đình đi trước làm cơ sở cho các gia đình sau. Những cụm gia đình này vẫn còn mối quan hệ chặt chẽ với những gia đình huyết thống còn lại bởi sự ràng buộc về các phong tục tập quán, quy định chặt chẽ về nghi lễ. Hoặc khi di cư đến vùng mới, người Mông chỉ yên tâm khi vùng đó có đủ một nhóm: thầy cúng, thầy bói, thầy khèn, thầy làm luật. Thời kỳ đầu xâm nhập của đạo Vàng Chử và Tin Lành, trong cộng đồng người Mông, một số gia đình quyết dứt khỏi những ràng buộc của tín ngưỡng truyền thống thường không được sự chấp nhận của số đông còn lại. “Những người cũ”, “những người cổ hủ”, hay “con ma hút máu người” (chỉ tục ăn tiết canh của người Mông) là những cụm từ thể hiện sự định kiến của người Mông theo đạo Tin Lành đối với người Mông giữ tín ngưỡng truyền thống; “những người mới”, “con đường mới”, “những người văn minh” là chỉ những người theo đạo Tin Lành. Ngược lại, “từ bỏ ông bà tổ tiên”, “từ bỏ gốc gác” là những cụm từ người Mông giữ tín ngưỡng truyền thống nghĩ về người Mông theo đạo Tin Lành.

Những xung đột có vẻ như bớt căng thẳng hơn, cởi mở hơn, theo người dân, chỉ bắt đầu từ khoảng những năm 2004-2005, khi mà Pháp lệnh về tôn giáo và tín ngưỡng năm 2004 được ban hành và áp dụng thực hiện. Trong đó khẳng định: công dân có tín ngưỡng, tôn giáo hoặc không có tín ngưỡng, tôn giáo cũng như công dân có tín

ngưỡng, tôn giáo khác nhau phải tôn trọng lẫn nhau.

Trong bối cảnh đó, mối quan hệ giữa 2 cộng đồng này có vẻ lại đảo ngược ở 2 vùng đất, ở quê cũ và nơi di cư. Ở quê cũ, khi người Mông giữ tôn giáo truyền thống chiếm đa số, đã từng có những phản ứng quyết liệt và gay gắt hơn đối với những người Mông theo đạo Tin Lành, chủ yếu liên quan đến việc từ bỏ thờ cúng tổ tiên. Ngược lại, trong bối cảnh tại nơi di cư, người Mông theo Tin Lành chiếm đa số, mỗi khi người Mông giữ tôn giáo truyền thống có dịp mời những người đồng tộc khác đạo của mình, họ thường mua thức ăn ở ngoài chợ về làm cơm riêng, mua nước ngọt thay bằng mời rượu... Điều này, mặc dù người Mông giữ tôn giáo truyền thống cũng cảm thấy phiền phức, nhưng trong bối cảnh mới, nó cũng thể hiện sự thỏa hiệp hay thích ứng của cả hai nhóm người Mông này để có một mối quan hệ xã hội tốt đẹp hơn.

Mặc dù mối quan hệ giữa hai nhóm người (người Mông di cư) đã khá cởi mở, nhưng những nhóm người này vẫn sống khu biệt thành những cụm gia đình riêng.

Tình trạng “theo đạo theo ông bà”, “theo đạo theo anh em” hay theo đạo không chính thức lại có nguy cơ bị lợi dụng và tác động bởi những tư tưởng xấu từ bên ngoài.

Như vậy, trong cộng đồng di dân người Mông ở Đắk Lắk, bên cạnh một bộ phận người Mông đã tìm hiểu kỹ và nhận thức được những yếu tố tích cực cốt lõi của tôn giáo này thì một bộ phận khác lại tiếp nhận đạo Tin Lành một cách rất mơ hồ, đặc biệt là đối với những người có trình độ văn hóa thấp, không có điều kiện tiếp cận các sách về đạo. Do đó, sự hiểu biết về những điều cơ bản trong giáo lý Tin Lành còn rất hạn chế, mà nhiều nhà nghiên cứu gọi là tình

trạng “nhập đạo”. Người ta chỉ biết, theo đạo là phải thực hiện những điều rất cụ thể (như: không phải cúng nhiều nghi lễ; không được uống rượu, đánh nhau, ngoại tình; theo đạo là phải chăm sóc bố mẹ tốt khi bố mẹ còn sống; theo đạo là giúp đỡ người khác lúc họ khó khăn...). Điều này đúng với nhận xét của Trần Hữu Sơn: “họ coi tôn giáo là phương tiện nhằm giải quyết những nhu cầu bức xúc của đời sống chứ không quan tâm nhiều về triết lý, về hạnh phúc hư ảo ở thế giới bên kia” [5, tr.130].

Đạo Tin Lành giúp ích cho các tín đồ trong cuộc sống hằng ngày, nhưng lại là một nguy cơ lớn nếu có sự tác động của các tư tưởng bên ngoài với mục đích xấu. Ví dụ, năm 2012, một gia đình theo đạo Tin Lành ở thôn 7, xã Krông Á, huyện M’Đak đã bị kẻ xấu xúi giục vượt biên sang Lào, bị bắt, bị phạt tiền và bị đi tù tại Lào. Năm 2014, tại thôn 12, xã Vụ Bản huyện Krông Păk, do sự xúi giục và lôi kéo của một vài đối tượng xấu mà một nhóm 13 người Mông theo đạo Tin Lành đã vượt biên sang Trung Quốc [8].

Thứ ba, gây ra tình trạng di cư tự do và vượt biên trái phép.

Như phần trên đã trình bày, một trong những lý do di cư tự do của người Mông có liên quan đến việc chuyển đạo Tin Lành. Bên cạnh đó, do không còn niềm tin vào tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống, người Mông không còn đặt nặng mối quan hệ của dòng họ cũng như những nghi lễ và quy định về nghi lễ; không còn quá nhiều sự ràng buộc với những thiết chế xã hội truyền thống. Khi di cư, bên cạnh việc chọn vùng đất phù hợp để làm ăn, họ còn lựa chọn nhóm cộng đồng cùng tôn giáo (nếu có thể). Tại đây, mối quan hệ anh em đồng đạo quan trọng hơn mối quan hệ dòng họ.

Lịch sử người Mông gắn với các cuộc di cư. Tuy nhiên, di cư xuyên biên giới, xuyên quốc gia do bị tác động của các yếu tố bên ngoài hiện nay cũng xảy ra rải rác trong nhóm di dân người Mông theo đạo Tin Lành tại Đắk Lắk. Điều này tác động xấu đến tâm lý của người Mông theo đạo Tin Lành nói riêng, mặt khác tiềm ẩn những nguy cơ bất ổn về tình hình an ninh, chính trị và an toàn xã hội tại Đắk Lắk và Tây Nguyên nói chung.

4. Kết luận

Người Mông là một dân tộc có một bản sắc văn hóa độc đáo. Tôn giáo mới, điều kiện sống ở một vùng đất mới đã làm cho tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của người Mông thay đổi về cơ bản. Những thay đổi này làm cho cộng đồng người Mông theo Tin Lành năng động hơn, khắc phục được những hạn chế, bất cập của tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống; giúp họ điều chỉnh hành vi và hình thành một lối sống mới văn minh hơn. Nhiều người biết chữ hơn, các thành phần trong xã hội của người Mông được bình đẳng hơn; cuộc sống về kinh tế của người Mông được cải thiện hơn. Tuy nhiên, khi theo đạo Tin Lành, người Mông đứng trước nguy cơ mai một bản sắc văn hóa, xung đột, chia rẽ quan trọng hơn là đứng trước nguy cơ bị tác động xấu của những thế lực thù địch lợi dụng để gây bất ổn tình hình an ninh chính trị và an toàn xã hội. Đây là một trong những vấn đề quan trọng đòi hỏi các cấp lãnh đạo Đảng và Chính quyền phải có những biện pháp trước mắt cũng như lâu dài, vừa thực hiện tốt Pháp lệnh về tôn giáo và tín ngưỡng vừa nhằm ổn định tình hình an ninh chính trị, an toàn xã hội ở vùng Tây Nguyên nói chung và địa bàn tỉnh Đắk Lắk nói riêng.

Lời cảm tạ

Nhóm tác giả chân thành cảm ơn chính quyền các cấp và cộng đồng người Mông tại tỉnh Đắk Lắk và Sơn La. Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ Quốc gia (Nafosted) trong đề tài mã số IV1.3 - 2013.11.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban dân tộc tỉnh Đắk Lắk (2015), *Báo cáo kết quả thực hiện bố trí ổn định di dân tự do theo Thông báo số 333/TB - VPCP ngày 21 tháng 8 năm 2014 của Văn phòng Chính phủ*, Đắk Lắk.
- [2] Võ Thị Mai Phương (2013), *Báo cáo kết quả nghiên cứu Đề tài cấp Nhà nước mã số IV 1.3-2013.11, Biến đổi văn hóa tinh thần của người Mông khi di cư từ Tây Bắc vào Đắk Lắk*, Hà Nội.
- [3] Võ Thị Mai Phương (2016), “Di cư tự do của người Mông: Thực trạng và những vấn đề đặt ra”, Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 2.
- [4] Vương Duy Quang (2005), *Văn hóa tâm linh của người Mông ở Việt Nam - truyền thống và hiện tại*, Nxb Văn hóa - Thông tin và Viện Văn hóa, Hà Nội.
- [5] Trần Hữu Sơn (1995), *Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Lịch sử: “Đời sống văn hóa tinh thần người Mông ở Lào Cai (Truyền thống và hiện đại)”*, Hà Nội.
- [6] Nguyễn Xuân Thắng (Chủ biên) (2009), *Giữ “lý cũ” hay theo “lý mới”? Bản chất cùng những cách phản ứng khác nhau của người Mông ở Việt Nam với ảnh hưởng của đạo Tin Lành*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
- [7] Cư Hòa Văn, Hoàng Nam (1994), *Người Mông ở Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [8] <http://www.antv.gov.vn/tin-tuc/an-ninh-trat-tu/kiem-diem-nguoi-vuot-bien-nghe-theo-ke-xau-131199.html>
- [9] <http://www.tapchicongsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2011/11805/Di-cu-tu-do-voi-su-phat-trien-kinh-te-xa.aspx>

